

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2017/DS-ST

Ngày: 11-7-2017

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K'Tim.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Hà.

2. Bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Cường Huy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Di Linh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Di Linh: Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Di Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐXX-DS ngày 29/5/2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Đào Khắc P (Phương). Có mặt.

Địa chỉ: Số 22 VVT, TT DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

2/ Bị đơn: Vợ chồng ông Võ Duy N và bà Đỗ Thị P. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 19, TT DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa ông P trình bày :

Do là hàng xóm với vợ chồng ông N bà P nên khi ông bà hỏi vay tiền để chăm sóc cả phê thì ông P có cho ông vợ chồng ông N bà P vay số tiền 40.000.000đ. Khi vay tiền thì ngày 23/6/2015, các bên có đến Văn phòng công chứng Di Linh làm hợp đồng vay. Theo nội dung hợp đồng vay tiền này thì các bên có thống nhất số tiền gốc cho vay là 40.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 06/5/2015 đến ngày 30/7/2015, lãi suất các bên tự thỏa thuận. Theo đó ông P và vợ chồng ông

N bà P có thỏa thuận lãi suất là 1,125%/tháng. Khi đến hạn do không có tiền nên ngày 30/8/2015 ông N bà P có viết giấy xin gia hạn thời gian trả nợ đến tháng 12/2015 (Âm lịch) sẽ trả đủ. Tuy nhiên ông N bà P vẫn không thanh Toán như cam kết. Sau rất nhiều lần đến đòi tiền thì vợ chồng ông N bà P có 03 lần trả tiền cho ông P. Lần thứ nhất trả 5.000.000đ, không nhớ thời gian trả. lần thứ 2 khi ông P bị tai nạn lao động, không nhớ thời gian cụ thể, thì ông N bà P có trả được 1.000.000đ và lần sau cùng ngày 09/6/2016 trả thêm được 2.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, ông P xác định, sau khi vay tiền thì vợ chồng ông N bà P có ba lần trả tiền cho ông với tổng số tiền của cả ba lần trả là 8.000.000đ. Số tiền này được trả vào nợ gốc. Ngoài ra vợ chồng ông N bà P không trả được khoản nào khác. Nay ông P yêu cầu vợ chồng ông N bà P trả số tiền nợ gốc là 32.000.000đ và khoản lãi phát sinh của số tiền gốc theo mức lãi 1.125%, thời gian tính lãi từ ngày 09/6/2016 đến ngày 11/7/2017, làm tròn là 13 tháng, thành tiền là 4.680.000đ. Tổng gốc và lãi yêu cầu là 36.680.000đ.

Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là hợp đồng vay ngày 23/6/2015 và Giấy viết tay ghi ngày 30/8/2015.

Theo lời khai, bị đơn bà P trình bày : Đúng là ngày 23/6/2015 vợ chồng bà có vay của ông P 40.000.000đ. Khi vay tiền các bên có đến văn phòng công chứng Di Linh lập hợp đồng vay tiền. Bà P thừa nhận chữ ký trong hợp đồng vay tiền là của vợ chồng bà. Sau khi vay tiền thì vợ chồng có trả được cho ông P 8.000.000đ, trả vào nợ gốc. Bà P xác định từ tháng 6/2015 thì vợ chồng chỉ còn nợ của ông P 32.000.000đ. Nay đồng ý trả cho ông P 32.000.000đ nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của ông P.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, tuy nhiên ông N không đến Tòa làm việc, do đó Tòa án không ghi được lời khai của ông N.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Di Linh phát biểu ý kiến :

Về tố tụng : Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại cấp sơ thẩm.

Về nội dung vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 32.000.000đ nợ gốc và 4.680.000đ tiền lãi. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về phần án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ các Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tòa án Di Linh có thẩm quyền giải quyết là phù hợp.

Sau khi cho vay tiền thì ông P thường xuyên đến nhà đòi tiền nhưng vợ chồng ông N bà P cứ hứa dần mà không thanh toán. Căn cứ Điều 157 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì xem như các bên đã tự xác lập lại thời hiệu khởi kiện, do đó việc ông P khởi kiện là còn trong thời hiệu.

Đối với ông Võ Duy N, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ, tuy nhiên ông N không đến Tòa làm việc nên Tòa án không ghi được lời khai của ông N. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo phiên hòa giải, tiếp cận chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên ông N và bà P cố tình vắng mặt không đến Tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự và thời gian giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án : Qua lời trình bày của ông P mà bà P cũng đã thừa nhận, ngày 23/6/2015 vợ chồng bà P ông N có vay của ông P số tiền 40.000.000đ. Việc vay mượn này các bên có làm hợp đồng, có công chứng chứng thực tại văn phòng công chứng Di Linh. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cần công nhận tình tiết này là có thật. Sau khi vay tiền thì vợ chồng ông N bà P có trả được cho ông P 8.000.000đ, trả vào nợ gốc. Nội dung này ông P, bà P cũng đã thừa nhận. Vì thế có cơ sở xác định tính đến tháng 6/2016 vợ chồng bà P ông N còn nợ của ông P số tiền nợ gốc 32.000.000đ, Tòa án cần chấp nhận yêu cầu này của ông P là phù hợp.

Ngoài yêu cầu trả tiền nợ gốc thì ông P còn yêu cầu vợ chồng ông N bà P trả lãi theo mức 1,125%/tháng, thời gian tính lãi từ 09/6/2016 đến ngày 11/7/2017, làm tròn là 13 tháng, thành tiền 4.680.000đ. Theo lời khai nhận của bà P (Bút lục số 27) thì bà xác định qua nhiều lần trả nợ thì tính đến tháng 6/2016 vợ chồng bà chỉ còn nợ của ông P số tiền 32.000.000đ, tức là lần trả nợ sau cùng của bà P ông N là vào khoản tháng 6/2015. Bên cạnh đó theo lời khai nhận của ông P (Bút lục số 08) thì ngày 09/6/2016 ông có nhận số tiền 2.000.000đ tiền trả nợ gốc của bà P ông N. Do đó thời gian ông Phương yêu cầu tính lãi từ ngày 09/6/2016 đến ngày 11/7/2017 của số tiền gốc 32.000.000đ là có cơ sở xem xét. Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu tính lãi của ông P không vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận là phù hợp.

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên vợ chồng ông N bà P phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là phù hợp. Trả lại cho ông P số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 92, 157 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 471 và 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đào Khắc P (Còn có tên gọi khác là Phương). Buộc vợ chồng ông Võ Duy N và bà Đỗ Thị P phải trả cho ông Đào Khắc P số tiền nợ gốc là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) và khoản tiền lãi phát sinh 4.680.000đ (Bốn triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng). Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 36.680.000đ (Ba mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

2. Về án phí: Vợ chồng ông Võ Duy N và bà Đỗ Thị P phải chịu 1.834.000 (Một triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Đào Khắc P 872.000đ (Tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng) đã tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0004328 ngày 28/02/2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại UBND xã phường, thị trấn nơi đương sự cư trú.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

K'Tìm